TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày: 25 - 04 - 2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp họ (hụi)*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Lê Thị Mỹ**

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa: Không**.**

Ngày 25 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-DS, ngày 07 tháng 03 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp họ (hụi)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-DS ngày 13/04/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị T (Mười Q), sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 34 khu phố 1, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc V, sinh năm 1972

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 112 khu phố 1, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:***

Tôi có tham gia 03 dây hụi do bà Nguyễn Thị P làm chủ hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi 3.000.000 đồng áp vào ngày 25/01/2019 (âm lịch), một tháng sổ 01 lần, có 29 phần hụi, tôi tham gia 03 phần đã hốt 02 phần còn lại 01 phần chưa hốt, tiền thảo (tiền hưởng hoa hồng) là 2.000.000 đồng, tôi đóng được 13 lần, ngày mãn là 25/05/2021 (Âm lịch).

- Dây hụi 2.000.000 đồng áp vào ngày 06/08/2017 (âm lịch), một tháng sổ 01 lần, có 49 phần hụi, tôi tham gia 02 phần chưa hốt, tiền thảo là 1.200.000 đồng, tôi đóng được 33 lần, ngày mãn là 06/08/2021 (âm lịch).

- Dây hụi 1.000.000 đồng áp vào ngày 02/07/2018 (âm lịch), 15 ngày sổ 01 lần, có 66 phần hụi, tôi tham gia 06 phần đã hốt 01 phần còn lại 05 phần chưa hốt, tiền thảo là 700.000 đồng, tôi đóng được 41 lần, ngày mãn là 02/03/2021 (Âm lịch).

Đối với dây hụi 1.000.000 đồng tôi hốt liên tiếp 03 phần ngày vào các ngày 02/4/2020; ngày 17/04/2020 và ngày 02/05/2020 (âm lịch) nhưng chủ hụi bà P chưa giao tiền. Đến ngày 06/05/2020 âm lịch (nhằm ngày 26/06/2020 dương lịch) chủ hụi bà P tuyên bố ngưng tất cả các dây hụi đồng thời giữa tôi cùng vợ chồng bà P, ông V thỏa thuận thống nhất như sau: Tôi đã đóng cho bà P tổng số tiền hụi là 365.000.000 đồng sau khi cấn trừ 03 phần hụi chết số tiền 110.000.000 đồng, số tiền còn thiếu lại tôi tổng cộng là 255.000.000 đồng, tôi đồng ý giảm cho bà P, ông V số tiền 105.000.000 đồng, số tiền ông bà còn nợ lại là 150.000.000 đồng bà P, ông V đồng ý và có làm biên nhận hứa 05 tháng trả nhưng không trả sau đó ông V xin thêm 5 tháng nữa là 10 tháng nhằm ngày 26/4/2021 bán đất trả nhưng đến nay đất đã bán mà vợ chồng ông V, bà P không trả tiền cho tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị P, ông Trần Quốc V trả cho tôi số tiền còn nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 27/04/2021 cho đến khi kết xét xử sơ thẩm.

*** Tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Trần Quốc V trình bày:**

Bà P, ông V thừa nhận thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn bà Phan Thị T về thời gian chơi hụi, số phần hụi bà T tham gia, số tiền đóng hụi, tiền hoa hồng và số tiền hụi còn nợ. Với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà P, ông V xác nhận còn nợ tiền hụi bà T số tiền 150.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế ông, bà hiện nay rất khó khăn, nhiều hụi viên không đóng tiền nên xin bà T cho vợ chồng ông bà trả dần số tiền mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, đồng thời xin không trả tiền lãi suất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Trần Quốc V trả số tiền còn nợ 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 27/04/2021 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Trần Quốc V đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn thành phố G nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P và ông Trần Quốc V trả tiền hụi còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi)" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị T và bà Nguyễn Thị P, ông Trần Quốc V thống nhất xác định là từ năm 2017 bà P có làm chủ hụi để hưởng hoa hồng gồm: Dây hụi thứ nhất: Có 29 phần hụi, mỗi phần hụi là 3.000.000 đồng, mỗi tháng sổ 01 lần, bà T tham gia 03 phần và đã hốt 02 phần còn lại 01 phần chưa hốt; Dây hụi thứ hai: Có 49 phần hụi, mỗi phần là 2.000.000 đồng, bà T tham gia 02 phần hụi, mỗi tháng sổ 01 lần; Dây hụi thứ ba: Có 66 phần hụi, mỗi phần là 1.000.000 đồng, bà T tham gia 06 phần hụi, nữa tháng sổ 01 lần. Đến ngày 26/06/2020 bà T đã đóng cho 03 dây hụi tổng số tiền là 365.000.000 đồng thì bà Phương tuyên bố ngưng tất cả các dây hụi. Sau đó, bà P và ông V (chồng bà P) thỏa thuận sau khi cấn trừ 03 phần hụi chết số tiền 110.000.000 đồng, số tiền còn thiếu lại bà T là 255.000.000 đồng, bà T đồng ý giảm cho bà P, ông V số tiền 105.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 150.000.000 đồng bà P, ông V có làm biên nhận đồng ý và hứa 10 tháng trả nhưng đến nay đã vi phạm thời hạn trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P, ông V trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 27/04/2021.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà P làm chủ hụi nhưng ngưng xổ hụi khi chưa kết thúc dây hụi là vi phạm nghĩa vụ của chủ họ được quy định tại Điều 5 và Điều 27 Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, bà P phải có nghĩa vụ trả lại số tiền mà bà T đã đóng hụi. Ngoài ra, tại phiên tòa, bà P, ông V thống nhất còn nợ bà T số tiền 150.000.000 đồng nên cần buộc bà P, ông V trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình tham gia chơi hụi, bà T thực hiện đúng nghĩa vụ của hụi viên, hàng tháng góp hụi đầy đủ cho bà P. Tuy nhiên, sau khi bà P, ông V đình hụi, không giao trả số tiền hụi thực đóng cho bà T, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Do đó, bà T yêu cầu tính lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật đối với số tiền trên là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, nên Hội xét xử ghi nhận và làm căn cứ để tính lãi, cụ thể như sau:

Từ ngày 27/4/2021 đến ngày 25/4/2022 là: Số tiền (150.000.000 đồng x 11 tháng 29 ngày) x 0,83%/tháng = 14.898.500 đồng *(Mười bốn triệu tám trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng)*.

Như vậy tổng số tiền bà P, ông V phải trả cho bà T là: Tiền gốc 150.000.000 đồng + tiền lãi 14.898.500 đồng = 164.898.500 đồng *(Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng)*.

[6] Xét ý kiến của bị đơn bà P, ông V yêu cầu được trả dần cho bà T mỗi tháng 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà P, ông V không thuộc thẩm quyền của Tòa án, trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật bà P, ông V có quyền yêu cầu để Chi cục Thi hành án dân sự xem xét.

Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T là buộc bà Nguyễn Thị P và ông Trần Quốc V có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ hụi tổng cộng là 164.898.500 đồng *(Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trắm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng)*.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Phan Thị T được chấp nhận, nên bà P, ông V phải chịu án phí dân sự có giá ngạch như sau: 164.898.500 đồng x 5% = 8.244.925 đồng *(Tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 và Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 5, Điều 7, Điều 9, Điều 15, Điều 27, Điều 31 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp họ (hụi) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Trần Quốc V.

2. Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Trần Quốc V trả cho bà Phan Thị T số tiền nợ hụi tổng cộng là 164.898.500 đồng *(Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng)*.

3. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Quốc V phải chịu là 8.244.925 đồng *(Tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với số tiền tạm ứng án phí do bà Phan Thị T được miễn tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25/04/2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. G;
- Chi cục THA dân sự Tp. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh